

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT FRESH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT FRESH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET FRESH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIFRESH CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106908514

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7, ngõ 449 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932 400 000

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2750        |
| 2.  | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2825        |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1020        |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1030        |
| 5.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1071(Chính) |
| 6.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                   | 1074        |
| 7.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1075        |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4721        |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4722        |
| 10. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4723        |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741        |
| 12. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4751        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                           | 4759 |
| 14. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4763 |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 16. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3100 |
| 17. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3230 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3314 |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>Bán buôn hoa và cây<br>Bán buôn động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) | 4620 |
| 20. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631 |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 22. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn;<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn;                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633 |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;                                                                                                               | 4649 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);                                                                 | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
| 29. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hàng may sẵn lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ                       | 4782 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                    | 4789 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ QUANG DUY     | Số 7, ngõ 449 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 250.000.000           | 50,00    | 012671263                                                                                                                                         |         |
| 2   | HUỶNH THỊ TRÀ MY | Số 58B Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 250.000.000           | 50,00    | 001178000739                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: LÊ QUANG DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 11/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012671263

Ngày cấp: 30/11/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 7, ngõ 449 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 7, ngõ 449 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 29/07/2015 đến ngày 10/09/2015

